

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 – 2023

I- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

1.1. Thuận lợi:

Trường TH&THCS Bãi Cháy 2 nằm giữa khu trung tâm du lịch của thành phố Hạ Long, đóng vai trò là trung tâm lưu trú và các dịch vụ ven bờ, phát triển với qui mô quốc tế, điều kiện kinh tế khá phát triển, có nhiều khách sạn, nhà hàng. Bên cạnh du lịch, Bãi Cháy còn là khu vực tập trung phát triển của nhiều ngành kinh tế quan trọng, trong đó có cảng nước sâu Cái Lân. Đảng bộ và chính quyền địa phương luôn thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị, quan tâm đến đời sống của nhân dân, trong đó giáo dục địa phương được xác định là nhiệm vụ quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội; chính quyền đã thực hiện tốt vai trò tham mưu với UBND thành phố trong việc đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường, phát triển đội ngũ làm công tác giáo dục; tuyên truyền vận động dân nhân tham gia ủng hộ cho giáo dục địa phương. Đến nay trên địa bàn phường tất cả các trường học đều được xây dựng kiên cố hóa, cơ sở vật chất được đầu tư tương đối đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu giảng dạy của giáo viên, học tập của học sinh, đưa chất lượng giáo dục ngày càng phát triển.

1.2. Khó khăn:

Do khu vực dân cư đông đúc, nhiều thành phần từ các nơi về sinh sống và làm việc nên nhận thức không đồng đều khó khăn cho việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách nói chung về giáo dục nói riêng.

1.3. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự phát triển giáo dục:

- Do du lịch, dịch vụ phát triển, đa số người dân làm nghề du lịch và dịch vụ nên khiến nhiều phụ huynh mải mê với công việc làm ăn mà thiếu sự quan tâm đến giáo dục con cái, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của địa phương và của nhà trường.

- Dân số tăng nhanh nên qui mô trường lớp cần mở rộng gây hiện tượng thiếu phòng học và giáo viên giảng dạy nhưng cũng là yếu tố thúc đẩy giáo dục phát triển.

II. Khối Tiểu học

1. Quy mô lớp, học sinh

Kết quả thực hiện năm học 2021- 2022	Tổng		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	
Điểm trường chính	20	845	4	160	1	39	5	167	5	205	5	149	
Điểm trường lẻ	4				4	125							
Tổng cộng	24	845	4	160	5	164	5	167	5	205	5	149	
Học 2 buổi/ ngày	24	845	4	160	5	164	5	167	5	205	5	149	
Học 1 buổi/ ngày	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Kế hoạch năm học 2022 - 2023	Tổng		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		
	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	
Điểm trường chính	20	0	5	194			5	164	5	167	5	205	

Điểm trường lẻ	04				4	160							
Tổng cộng	24	890	5	194	4	160	5	164	5	167	5	205	
Học 2 buổi/ ngày	24	890	5	194	4	160	5	164	5	167	5	205	
Học 1 buổi/ ngày													
So sánh năm học 2022 - 2023 với 2021 - 2022: Tăng/giảm số lớp, HS	0	+45	+1	+34	-1	-4	0	-3	0	-38	0	+56	
So sánh năm học 2022 - 2023 với 2021 - 2022: Tăng/ giảm số lớp, HS học 02 buổi/ngày	0	+45	0	+28	0	0	0	+4	0	+3	-1	-41	
So sánh năm học 2022 - 2023 với 2021 -2021: Tăng/ giảm số lớp, HS học 01 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

*** Đánh giá việc huy động học sinh năm học 2021 - 2022:**

- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là: đạt tỷ lệ 100%
- Công tác phổ cập giáo dục: Thực hiện tốt. Đạt tiêu chuẩn PCGD bậc Tiểu học.

2. Đội ngũ

2.1. Biên chế hiện có

BIÊN CHẾ CÓ MẶT NĂM HỌC 2021 - 2022																GV - NV HD 2021 - 2022		Biên chế được giao 2021 - 2022				GV về hưu 2021 - 2022
Tổng số	CBQL		Giáo viên							Nhân viên						GV	NV	Tổng số	CB QL	Giáo viên	Nhân viên	
	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng số	TPT đội	Tiểu học	Thê dục	Mỹ thuật	Nhạc	Tiếng Anh, Pháp	Tổng	TVTĐ	Kế toán	Y tê	Văn thư	Thủ quỹ							
33	0	0	33	0	26	1	2	2	2	0						0	0	33	0	33	0	0

2.2. Kế hoạch biên chế năm học 2022 - 2023

Biên chế							Cân đối (so với biên chế được giao)	Ghi chú
Tổng số	CBQL		Giáo viên		Nhân viên			
	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	TPT Đội	Giáo viên	TV TB	Văn phòng		
37	0	1	0	36	0	0	+ 04 (01 CBQL, 01 GV Tiếng Anh, 01 GV Tin; 01 GVTH)	

2.3. Số cán bộ, giáo viên nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu sớm

Nghỉ từ 01/01/2022 đến 30/12/2022

STT	Họ và tên	Thời điểm nghỉ hưu	Ghi chú
1			
Tổng	0	0	

Nghỉ từ 01/01/2023 đến 30/5/2023

STT	Họ và tên	Thời điểm nghỉ hưu	Ghi chú
1			
Tổng	0	0	

3. Cơ sở vật chất nhà trường

3.1. Thực trạng hiện có

Phòng học thông thường			Phòng học bộ môn, chức năng		Hiệu bộ, văn phòng		Thư viện		Ghi chú
Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm thời	Phòng học bộ môn	Phòng học chức năng	Phòng Hiệu bộ	Văn phòng	Kiên cố	Bán kiên cố	

				năng					
24	0	0	03	0	1	2	0	0	

3.2. Thực hiện cải tạo, sửa chữa năm học 2021 -2022

Nội dung	Phòng học thông thường		Phòng bộ môn, chức năng		Hiệu bộ, văn phòng		Thư viện		Phòng nội trú học sinh	
	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT
Thực hiện cải tạo, sửa chữa			1	0						
Kinh phí (Triệu đồng)				84.000.000đ						
Thực hiện xây mới										
Kinh phí (Triệu đồng)										

3.4. Kế hoạch cải tạo, sửa chữa năm 2022 -2023

Nội dung	Phòng học thông thường		Phòng bộ môn, chức năng		Hiệu bộ, văn phòng		Thư viện		Phòng nội trú HS	
	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT
Kế hoạch cải tạo, sửa chữa										
Kinh phí (Triệu đồng)										
Kế hoạch xây mới										
Kinh phí (Triệu đồng)										

III. Khối THCS

1. Quy mô lớp, học sinh:

Kết quả thực hiện năm học 2021 - 2022	Tổng		Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Ghi chú
	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	
Điểm trường chính	13	599	3	149	4	177	3	133	3	140	
Điểm trường lẻ											
Tổng cộng	13	599	3	149	4	177	3	133	3	140	
Học 2 buổi/ ngày											
Học 1 buổi/ ngày	13	599	3	149	4	177	3	133	3	140	
Kế hoạch năm học 2022 - 2023	Tổng		Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		
	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	
Điểm trường chính	13	610	3	151	3	149	4	177	3	133	
Điểm trường lẻ											
Tổng cộng	13	610	3	151	3	149	4	177	3	133	
Học 2 buổi/ ngày											
Học 1 buổi/ ngày	13	610	3	151	3	149	4	177	3	133	
So sánh năm học 2022 -2023 với 2021 -2022: Tăng/ giảm số lớp, HS	0	+11	0	+2	0	-28	+1	+44	0	-7	
So sánh năm học 2022 - 2023 với 2021 -2022: Tăng/ giảm số lớp, HS học 02 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
So sánh năm học 2022 - 2023 với 2021 -2022: Tăng/ giảm số lớp, HS học 01 buổi/ngày	0	+11	0	+2	0	-28	+1	+44	0	-7	0

*** Đánh giá việc huy động học sinh năm học 2021 - 2022:**

- Tỷ lệ huy động HS hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6 là: Đạt 100%
- Tỷ lệ TN THCS: 100%; huy động HS TNTHCS vào lớp 10 là: Đạt 100%
- Công tác phổ cập giáo dục : Đạt chuẩn PCGD cấp THCS.

2. Đội ngũ

2.1. Biên chế hiện có

TS biên chế hiện có	BIÊN CHẾ CÓ MẶT NĂM HỌC 2021 - 2022																							Hợp đồng 2021-2022		
	Cán bộ quản lý		Giáo viên															Nhân viên								
	HT	Phó HT	TS	Toán	Lý	Hoá	Văn	Sử	Địa	Sinh	GDCD	Công nghệ	Nhạc	Mỹ Thuật	Thể dục	Tiếng Anh	Tiếng Trung	T PT	TS	TVT B	Kế toán	Y tế	Văn thư	Thủ quỹ	GV	NV
26	1	1	22	5	1	1	4	0	1	1	0	0	1	1	1	2	4	0	2	1	1		0	0	0	0

2.2. Biên chế được giao 2021 – 2022

Biên chế được giao 2021 - 2022				Giáo viên nghỉ hưu 2022 - 2023	
Tổng số	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên		
27	2	23	2		0

2.3. Kế hoạch biên chế năm học 2022 - 2023

Biên chế								Cân đối (so với BC được giao)
Tổng số	Cán bộ QL		Giáo viên		Nhân viên			
	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	TPT Đội	Giáo viên	Thư viện	TB TN	Văn phòng	
35	1	1	1	25	1	1	5	+8 người. 02 giáo viên (01 giáo viên Văn, 01 GV tiếng Anh) + 01 TPT + 05 nhân viên (kế toán 1, y tế 1, TBDH 1, Thư viện 1, CNTT 1)

2.4. Số cán bộ, giáo viên nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu sớm

2.4.1. Nghỉ từ 01/01/2022 đến 30/12/2022

STT	Họ và tên	Thời điểm nghỉ hưu	Ghi chú
-----	-----------	--------------------	---------

1			
Tổng	0	0	

2.4.2. Nghỉ từ 01/01/2023 đến 30/5/2023: Không

3. Cơ sở vật chất nhà trường

3.1. Thực trạng hiện có

Phòng học thông thường			Phòng học bộ môn, chức năng		Hiệu bộ, văn phòng		Thư viện		Ghi chú
Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm thời	Phòng học bộ môn	Phòng học chức năng	Phòng Hiệu bộ	Văn phòng	Kiên cố	Bán kiên cố	
13	0	0	03	01	02	01	01		

3.2. Thực hiện cải tạo, sửa chữa năm học 2021 -2022

Nội dung	Phòng học thông thường		Phòng bộ môn, chức năng		Hiệu bộ, văn phòng		Thư viện		Phòng nội trú học sinh	
	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT
Thực hiện cải tạo, sửa chữa	0	0	1	200	0	0	0	0	0	0
Kinh phí (Triệu đồng)				84000.000đ						
Thực hiện xây mới	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Kinh phí (Triệu đồng)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

3.3. Kế hoạch cải tạo, sửa chữa năm 2022 - 2023

Nội dung	Phòng học thông thường	Phòng bộ môn, chức năng	Hiệu bộ, văn phòng	Thư viện	Phòng nội trú HS

	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT
Kế hoạch cải tạo, sửa chữa										
Kinh phí (Triệu đồng)										
Kế hoạch xây mới										
Kinh phí (Triệu đồng)										

3.4. Kế hoạch mua sắm năm 2022 - 2023

- Mua mới 01 máy poto
- Mua mới 450 bộ bàn ghế học sinh loại 2 chỗ (200 bộ bàn ghế bán trú cho Tiểu học; 250 bàn ghế cho THCS).

IV. Tài chính

1. Các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện

Nước uống; chăm sóc bán trú cho học sinh Tiểu học; học thêm của khối THCS.

Khó khăn: Nhà trường đã mở tài khoản tại ngân hàng để tiện cho việc phụ huynh chuyển kinh phí nhưng phụ huynh chuyển khoản nộp chậm so với kế hoạch của nhà trường. Tính đến thời điểm tháng 02/2022 nhà trường mới tiến hành thu được khoảng 80% các loại kinh phí.

2. Các khoản thu hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

Học Tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài; Kỹ năng sống; Tin học.

Khó khăn: Tính đến thời điểm giữa tháng 02/2022 mới thực hiện được 80% số kinh phí theo dự toán được duyệt thu.

3. Kinh phí chi ngân sách, học phí thực hiện năm 2021 và dự toán năm 2022

3.1. Ngân sách thực hiện năm 2021

Kinh phí được sử dụng: **7.192.000.000đ**

Trong đó: + Lương và các khoản đóng góp theo lương: **6.086.000.000đ**

+ Chi khác: **1.106.000.000đ**

3.2. Học phí

Hoàn thành học phí học nộp tại kho bạc.

3.3. Đề xuất dự toán năm 2022

Kinh phí được sử dụng: **7.576.545.000đ**

Trong đó: + Lương và các khoản đóng góp theo lương: **7.576.000.000đ**

+ Chi khác: **1.200.000.000đ**

V. Các chỉ tiêu phân đầu năm học 2022 -2023:

1. Tỷ lệ huy động

- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là: 100%
- Tỷ lệ huy động HS TN Tiểu học vào lớp 6 là: 100%
- Tỷ lệ huy động HS TNTHCS vào lớp 10 là: 98%
- Công tác phổ cập giáo dục: Đạt chỉ tiêu PCGD cấp tiểu học; Hoàn thành chỉ tiêu PCGD cấp THCS.

2. Các chỉ tiêu khác:

- Tỷ lệ lên lớp: đạt 98%
- Tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học, TN THCS: 99.5%
- Tỷ lệ huy động HS TN Tiểu học vào lớp 6 là: 100%
- Tỷ lệ huy động HS TNTHCS vào lớp 10 là: 98%
- Trường đạt Tập thể lao động Xuất sắc.
- Công đoàn xuất sắc, Cờ của Liên đoàn LĐ tỉnh.

VI. Một số giải pháp:

- Nâng cao chất lượng quản lý nhà trường: Không ngừng đổi mới và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, tăng cường kiểm tra, đánh giá bằng nhiều hình thức; Chỉ đạo toàn trường thực hiện nghiêm túc cải cách hành chính, qui chế dân chủ, qui chế chuyên môn... Chú trọng giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh ủng hộ các phong trào học tập của nhà trường nhằm tạo sự đồng thuận trong giáo dục học sinh về mọi mặt.

- Tích cực tham mưu cho chính quyền địa phương các giải pháp tích cực nhằm phát triển giáo dục.

- Tranh thủ sự ủng hộ của các cấp, ngành và nhân dân tạo các điều kiện tốt nhất cho giáo dục tại đơn vị.

VII. Những khó khăn, đề xuất, kiến nghị:

1. Với UBND thành phố Hạ Long:

1.1. Nhân sự:

- Khối TH: Bổ sung thêm 04 người (01 CBQL, 01 GV Tiếng Anh, 01 GV Tin; 01 GVTH).

- Khối THCS: Bổ sung thêm 08 người (02 giáo viên: 01 giáo viên Văn, 01 GV tiếng Anh) + 01 TPT + 05 nhân viên (kế toán 1, y tế 1, TBDH 1, Thư viện 1, CNTT 1).

1.2. Cơ sở vật chất:

- Tiếp tục rà soát và sửa chữa những hạng mục xây dựng đã xuống cấp (Cổng trường: cánh cổng mọt sắt, bung gạch ốp trụ; cửa các phòng học: gỗ bị mục ruỗng).
- Lát gạch sân trường để có sân chơi an toàn cho học sinh; tiện lợi trong các hoạt động tập thể của học sinh và tính thẩm mỹ.
- Bổ sung 400 bộ bàn ghế do bị hư hỏng và số học sinh tăng (Khối TH: 200 bộ, Khối THCS 250 bộ).
- Đầu tư thiết bị cho phòng học ngoại ngữ nhằm nâng cao chất lượng bộ môn (hiện nhà trường có phòng học nhưng chưa có thiết bị),
- Đầu tư máy tính cho phòng Tin học vì máy tính cũ đã hết khấu hao, xuống cấp không đảm bảo cho học tập bộ môn của học sinh.
- Đầu tư thêm 04 phòng học thông minh cho phân hiệu 2 để đảm bảo cho công tác dạy và học.

2. Với Phòng Giáo dục Hạ Long:

- Tham mưu với UBND thành phố Hạ Long bổ sung biên chế giáo viên cho trường; đầu tư thêm về cơ sở vật chất cho các lớp học.
- Tiếp tục quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn nhà trường trong quá trình quản lý và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục; Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên về phương pháp dạy học mới.

Nơi nhận:

- UBND TP (B/c);
- Phòng GD (B/c);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Ngọc Lan